TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/DS-PT
Ngày: 11-4-2018
"Tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Lê Thành Tôn

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh****:* Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018, về việc "Tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thị xã H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Ngô Văn N, sinh năm 1940

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn N là: Anh Ngô Minh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 3/39D, ấp N1, xã T, huyện H1, thành phố H (Theo văn bản ủy quyền, ngày 02/3/2018).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn P, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị N2, sinh năm 1954;

2. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1961;

3. Ông Ngô Văn P1, sinh năm 1965;

4. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1965;

5. Bà Ngô Thị Tuyết V, sinh năm 1974;

6. Bà Ngô Thị Ngọc N3, sinh năm 1973;

7. Anh Ngô Phước S, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Ngô Thị P1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã H, Đồng Tháp.

9. Bà Ngô Thị C1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã H, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2, bà B, ông P1, bà V, bà N3, anh Sang, bà C1 là: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

10. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1964;

11. Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1986;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị T1, anh Ngô Văn T2 là: ông Ngô Văn N, sinh năm 1940 (Theo văn bản ủy quyền, ngày 07/3/2018).

Cùng địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

12. Anh Trương Công T3, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khóm 5, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

13. Ông Lê Văn Minh, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Văn N, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn ông Ngô Văn N trình bày:*

Nguồn gốc đất đang có tranh chấp của ông nội ông là Ngô Việt B1 để lại cho cha ông là Ngô Văn C2 chiều ngang đất thổ cư 20m x dài 85m và 10 công đất ruộng tầm cắt; ngoài ra, cha mẹ ông có tạo dựng được 08 công tầm cắt đất ruộng và một mẫu hai đất vườn. Năm 1968 mẹ ông là bà Nguyễn Thị T4 chết, đến năm 1975 cha ông chết, lúc cha ông còn sống không chia đất cho anh, em ông. Đến ngày 27/10/1977 khi ông ở tù về thì ông có mời tộc họ nội, ngoại và anh em ông gồm có: Ngô Thị Đ, Ngô Thị S1, Ngô Thị S2, Ngô Văn D, Ngô Văn N, Ngô Thị N4, lúc đó chị Đ chết nên tộc họ thống nhất chia như sau:

1/ Ngô Văn D được hưởng 10 công đất ruộng và đất thổ cư ngang 20m x dài 85m.

2/ Ngô Văn N được hưởng 01 mẫu hai đất vườn (trong đó có đất thổ cư) giáp với đất của ông Ngô Văn D.

3/ Ngô Thị Đ được hưởng 02 công tầm cắt đất ruộng.

4/ Ngô Thị S1 được hưởng 02 công tầm cắt đất ruộng.

5/ Ngô Thị N4 được hưởng 02 công tầm cắt đất ruộng.

6/ Ngô Thị S2 được hưởng 02 công tầm cắt đất ruộng.

Việc phân chia đất có tất cả các anh chị em trong gia đình thống nhất ký tên, có tộc họ nội ngoại chứng kiến việc anh em ông chia đất.

Sau khi được phân chia các anh em nhận đất quản lý và sử dụng. Nhưng đến năm 2011 ông D có hành động lấn chiếm đất thổ cư gia đình ông chiều ngang 8,306m x dài 85m, hình cánh buồm, diện tích 475m^2; Trước đây, phần đất này ông Diệp được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 02/12/2011 nên ông có đơn thưa đến UBND thị trấn H (nay là phường A). Trong suốt thời gian UBND huyện H (nay là thị xã H) và UBND tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 63 lấy đất của ông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn D, trong khi đất ông đang tranh chấp. Ông tiếp tục có đơn khiếu nại đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì UBND tỉnh, UBND thị xã H thừa nhận Quyết định số 63 sai pháp luật. Sau khi UBND thị xã H không giải quyết trả lại đất gia đình ông và ông có đơn khiếu nại UBND thị xã H có Quyết định số 27 thống nhất trả lại đất cho gia đình ông (bằng cách trả hai đầu lấy lại chính giữa giao người khác), ông không thống nhất có đơn đến TAND tỉnh Đồng Tháp, UBND thị xã H thừa nhận Quyết định số 27/QĐ-UBND-NC ngày 08/9/2014 là sai, UBND thị xã H ra Quyết định số 14/QĐ-UBND-NC ngày 25/11/2016 hủy Quyết định số 27.

Năm 2013, ông D (chết) ông Ngô Văn P là con ông D tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này và không chịu trả lại cho ông mà ông P bao chiếm đất luôn của ông.

Nay ông yêu cầu xem xét giải quyết buộc ông Ngô Văn P và các người thừa kế của ông Ngô Văn D trả lại phần đất cho ông có chiều ngang 8,306m x dài 85m, hình cánh buồm, diện tích là 475m^2, phần đất thuộc thửa số 78, 79 thuộc tờ bản đồ số 7, tại khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo đo đạc thực tế diện tích chiều ngang giáp đường đal là 8.04m, chiều dài giáp đất ông P là 81.87m, chiều dài giáp với ông là 83.06m, kéo thẳng ra trụ đá số 01 là 0m hình cánh buồm với tổng diện tích tranh chấp là 327,73m^2 theo biên bản thẩm định ngày 23/3/2017 và mảnh trích đo số 184 -2017 ngày 17/4/2017 của Văn Phòng đăng ký Quyền sử dụng đất).

***** *Bị đơn ông Ngô Văn P trình bày:*

Nguồn gốc đất là của ông cố ông tên là Ngô Việt B1 để lại cho ông nội ông là ông Ngô Văn C2 với diện tích đất tổng cộng 24 công tầm cắt đất ruộng và đất thổ cư chiều ngang 31m, vườn một mẫu hai. Đến năm 1975 ông nội của ông chết để lại toàn bộ phần đất cho cha ông là Ngô Văn D cai quản và canh tác số đất nói trên (trong đó, có số đất lòng lạch ngọn). Lúc đó, chú của ông là ông Ngô Văn N ở Giồng Găng (nông trường Ba Trọng) về; cha ông thấy chú N có cuộc sống khó khăn, nghèo khổ nên mới kêu về và cho chú ông cho 01 mẫu 02 đất vườn và 6 công đất ruộng tầm cắt. Còn phần của cha ông

là 10 công tầm cắt đất ruộng và diện tích đất thổ cư ngang 31m giáp với lòng lạch ngọn dài xuống sông, lúc này cha ông cũng chia phần đất cho các cô ông mỗi người 02 công tầm cắt đất ruộng. Nhưng chú ông là ông Ngô Văn N đã lấy 02 công đất của cô là bà Ngô Thị Đ cộng với 6 công đất ruộng mà cha ông đã cho ông Ngô Văn N đem bán cho anh của ông là Ngô Văn P1 và ông Lê Văn H ngụ khóm C. Sau đó, ông N đi thưa cha tôi đến UBND thị trấn H (nay là phường A) có mời hai bên hòa giải nhưng không xong, ông N tiếp tục gửi đơn đến UBND thị xã H và UBND tỉnh Đồng Tháp. UBND tỉnh Đồng Tháp mời giải quyết và ra quyết định công nhận phần diện tích đất của cha ông là 401m^2; còn của ông Ngô Văn N là 31m^2. Phần đất 401m^2 của cha ông đã được Chủ tịch UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/12/2011 (chủ sở hữu là ông Ngô Văn D). Đến năm 2013 cha ông mất và để lại phần đất trên cho ông canh tác quản lý phần đất này. Nay ông Ngô Văn N yêu cầu ông phải trả lại cho ông N phần đất lấn chiếm theo biên bản thẩm định thực tế ngày 23/3/2017 và theo mảnh trích đo số 184 -2017 ngày 17/4/2017 của Văn phòng đăng ký Quyền sử Dụng đất có diện tích chiều ngang giáp đường đal là 8,04m, chiều dài giáp đất ông là 81,87m, chiều dài giáp với ông N là 83,06m, kéo thẳng ra trụ đá số 1 là 0m hình cánh buồm với tổng diện tích tranh chấp là 327,73m^2; anh, em ông không thống nhất, vì phần đất này của cha ông để lại cho anh em ông quản lý, sử dụng có chiều ngang 31m giáp với lòng lạch ngọn.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Ngô Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S: thống nhất theo ý kiến trình bày của ông nêu trên. Đồng thời, ông P và những người thừa kế của ông D có yêu cầu ông Ngô Văn N phải trả lại phần diện tích đất mà ông N lấn chiếm của cha ông chúng tôi có diện tích chiều ngang giáp đường lộ là 1,83m, chiều dài giáp phần đất tranh chấp ông N với ông P là 83,06m, chiều dài giáp đất ông N là 84,33m kéo dài trụ đá số 1 là 0m hình cánh buồm với tổng diện tích là 74,7m^2 theo biên bản thẩm định thực tế ngày 23/3/2017 và theo mãnh trích đo số 184-2017 ngày 17/4/2017 của Văn Phòng đăng ký Quyền sử dụng đất.

- Ông Ngô Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị T1 và Ngô Văn T2 thống nhất theo lời trình bày của ông như trên và cũng không thống nhất theo yêu cầu của ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S vì phần đất này là của ông.

- Ông Ngô Văn L trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Ngô Văn P, không thống nhất theo yêu cầu của ông Ngô Văn N vì phần đất này của cha ông để lại;

- Ông Lê Văn M trình bày: ông có mua của ông Ngô Văn N diện tích chiều ngang 5m dài 16m, lúc mua có Ban nhân dân khóm C xác nhận, đất ông mua của ông N là hợp pháp đến năm 2016 ông bán lại cho ông Trương Công T3 với giá 45.000.000đ khi ông bán cho ông T3 cũng đến Ban nhân dân khóm C xác nhận. Nay ông N và ông P tranh chấp ông không có tranh chấp với ông N và ông P cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Anh Trương Công T3 trình bày: Vào ngày 17/7/2016 anh có mua phần đất có diện tích đất cách phần đất tranh chấp giữa ông N và ông P từ trụ đá mà Ủy ban thị xã H cắm ranh xuống 1m, chiều ngang cặp lộ đường đal 5m, chiều dài là 10m, chiều dài sau hậu là 16m của ông Lê Văn M tại khóm C, phường A (ông Minh mua đất của ông N). Đến ngày 23/3/2017 đoàn thẩm định của Tòa án đến thẩm định phần đất tranh chấp giữa ông N và ông P thì phía ông P xác định ranh có dính vào phần đất của ông chiều ngang khoảng 1,7m, chiều dài 16m. Nay giữa ông N và ông P xảy ra tranh chấp ông không có ý kiến gì về phần đất tranh chấp này, nếu ông N thắng kiện thì ông tiếp tục sử dụng phần đất của ông mua còn nếu ông P thắng kiện thì ông thống nhất giao phần đất này cho ông P theo biên bản thẩm định của Tòa án ngày 23/3/2017 và kèm theo mảnh trích đo số 184-2017 ngày 17/4/2017 của Văn Phòng đăng ký Quyền sử dụng đất, còn bao nhiêu thì ông sử dụng bấy nhiêu. Nay ông không yêu cầu ông M bồi thường tiền giao đất thiếu cũng không tranh chấp với ông N và ông P cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:*

- Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Ngô Văn N.

Giao cho ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S được tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng, diện tích đất và các vật kiến trúc trên đất có 02 ao nuôi cá, 01 ao lạng (trũng nước), cây cối có chiều ngang giáp đường đal từ mốc 2 đến mốc 3 là 8.04m, chiều dài giáp đất ông P từ mốc 2 đến mốc 1 là 81,87m, chiều dài giáp với ông N từ mốc 3 đến mốc 1 là 83,06m, hình cánh buồm (mốc 1, 2, 3) với tổng diện tích là 327,73m^2 tại thửa số 78, tờ bản đồ 07 đất tọa lạc tại khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp có tứ cận cụ thể:

+ Phía Bắc giáp với đường đal có cạnh dài 8,04m từ mốc số 2 đến mốc 3. Mốc 2 gởi với góc nhà là 7,85m, mốc 3 gởi vào trụ đá 17,16m và 6,47m.

+ Phía Tây giáp đất của ông P có cạnh dài 81,87m.

+ Phía Nam giáp đất ông N mốc 1 có cạnh dài 0m gởi vào gốc mã.

+ Phía Đông giáp với đất ông N có cạnh dài 83,06m.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S.

- Giao cho ông Ngô Văn N, bà Ngô Thị T1 và ông Ngô Văn T2 tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng diện tích đất và các vật kiến trúc có trên đất có chiều ngang giáp với đường đal từ mốc 3 đến mốc 4 là 1,83m, chiều dài giáp với

ông P từ mốc 3 đến mốc 1 là 83,06m và chiều dài giáp đất ông N từ mốc 4 đến mốc 1 là 83,44m hình cánh buồm tổng diện tích là 74,7m^2 (mốc 1,3,4) tại nằm trong một phần thửa 78 và thửa 79 tờ bản số 07 đất tọa lạc khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp với đường đal có cạnh dài 1,83mm từ mốc số 3 đến mốc số 4 (gởi vào trụ đá 8,22m và trụ đá 11,43m).

+ Phía Tây giáp đất ông P có cạnh dài 83,06m.

+ Phía Nam giáp đất ông N có cạnh dài 0m tại mốc số 1 (gởi vào gốc mã);

+ Phía Đông giáp với đất ông N có cạnh dài 83,44m

(*Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 3 năm 2017 và mãnh trích đo địa chính số 184-2017 ngày 17 tháng 4 năm 2017 và mãnh trích đo bổ sung ngày 11/12/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất*).

- Đối với ông Trương Công T3, Lê Văn M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các đương sự có quyền đến cơ quan có thẩm quyền đi đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông Ngô Văn N phải chịu 3.605.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng ông Ngô Văn N là người cao tuổi và người có công với cách mạng có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông Ngô Văn N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S phải liên đới chịu 822.000đ (Tám trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm phần phản tố không được Tòa án chấp nhận được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.494.000đ theo biên lai số 004694 ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H. Vậy ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S được nhận 672.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

- Về chi phí xem xét thẩm định và định giá:

+ Buộc ông Ngô Văn N chịu 2.033.000đ (Hai triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng) đã nộp xong.

+ Buộc ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S chịu 700.000đ chi phí xem xét thẩm định và định giá. Ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết

V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S phải liên đới trả lại cho ông Ngô Văn N số tiền 700.000đ mà ông N đã nộp tạm ứng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

** Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 19/12/2017, ông Ngô Văn N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn giao trả lại diện tích 327,73m^2, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7 cho ông N được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn;

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ y quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế có diện tích là 327,73m^2; Đồng thời, bên bị đơn cũng có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn trả lại phần diện tích lấn chiếm với diện tích là 74,7m^2; nên Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Tranh chấp quyền sử dụng đất, phù hợp với quy định tại khoản 9, điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất mà hai bên đang có tranh chấp tọa lạc tại ấp C, Phường A, Thị xã H nên Tòa án Thị xã H thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bên nguyên đơn là ông Ngô Văn N yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án Thị Xã H. Ông N yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc bên ông P trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích là 327,73m^2 thuộc thửa số 78 tờ bản đồ số 7 hiện do ông P đang quản lý, sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc đất: Phần đất mà hai bên đang có tranh chấp được nguyên đơn và bị đơn xác định là của cụ Ngô Việt B1; Sau khi Cụ B1 chết, toàn bộ phần diện tích đất mà cụ B1 có được để lại cho con là ông Ngô Văn

C2; Ông C2 có vợ là bà Nguyễn Thị T4; Ông C2 và bà Thân sống chung có tất cả 06 người con gồm: 1/ Ngô Thị Đ; 2/ Ngô Văn D; 3/ Ngô Thị S1; 4/ Ngô Thị N4; 5/ Ngô Thị S2 và 6/ Ngô Văn N; Trong quá trình sống chung thì ông C2 và bà T4 có được diện tích đất là 24 công tầm cắt đất ruộng, 01 mẫu hai đất vườn và 01 phần diện tích đất thổ cư; Đến năm 1968 bà T4 chết; ông C2 chết vào năm 1975. Khi còn sống ông C2, bà T4 không có việc phân chia đất cho các con và đến khi chết cũng không có để lại di chúc; Toàn bộ diện tích đất của ông C2 sau khi chết để lại đều do ông D là con trai lớn quản lý, sử dụng. Đến năm 1977, sau giải phóng khi ông N từ nông trường Giồng Găng trở về; ông D thống nhất phân chia đất cho các anh, em ông mỗi người một phần đất để quản lý, sử dụng; theo đó, ông N được giao cho một mẫu hai đất vườn và 06 công tầm cắt đất ruộng; còn các người chị em gái của ông N, được ông D chia cho mỗi người là 02 công tầm cắt đất ruộng; phần đất còn lại là do ông D quản lý sử dụng từ năm 1977 đến nay.

- Về diện tích đất: Theo ông N thì việc thỏa thuận phân chia đất có được lập thành văn bản, có các anh, chị em cùng ký tên; còn theo bên ông D thì việc thỏa thuận này chỉ thể hiện bằng miệng, không có giấy tờ gì. Tuy nhiên, việc thỏa thuận phân chia đất bằng văn bản như chứng cứ mà ông N cung cấp thì khi xem xét nhận thấy nội dung văn bản này không có thể hiện cụ thể diện tích đất từng người được chia, cũng như không có thể hiện vị trí cụ thể của từng phần đất. Do đó, việc ông N xác định phần đất của cha mẹ để lại cho ông D được hưởng bề ngang đất thổ cư (giáp với đất vườn của ông N) chỉ có 20m là không có cơ sở; Đồng thời, ông N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình.

- Về hiện trạng sử dụng: Căn cứ vào lời trình bày của ông N thì phần diện tích đất mà ông N đang có tranh chấp với bên ông P; trước đây, là do ông D (cha của ông P) quản lý, sử dụng từ năm 1977 đến nay; trên phần đất này có 02 cái ao ông D dùng để nuôi cá (hiện nay ông P cũng đang nuôi) và một số cây trồng có trên đất (theo ông N xác định là do ông D trồng). Tuy nhiên, căn cứ mà ông N tranh chấp với bên ông D là do ông N xác định, phần đất mà ông D được thừa hưởng đất của cha, mẹ để lại là 10 công tầm cắt đất ruộng và bề ngang 20m, dài 85m đất thổ cư nên nay phần đất bề ngang mà ông P (con ông D) hiện đang quản lý, sử dụng có bề ngang 20,45m; như vậy, ông P đã lấn chiếm phần đất của ông N bề ngang là 8,04m (từ mốc 2 đến mốc 3- giáp đường dal). Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ mà ông N nêu ra để chứng minh cho yêu cầu của ông là chưa phù hợp. Bởi vì, không có chứng cứ xác thực nào để chứng minh rằng phần đất mà ông D thừa hưởng ở phần giáp đường đal có bề ngang là 20m như ông N trình bày.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn N là có căn cứ;

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn N; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Theo quy định người kháng cáo phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm nếu yêu cầu kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận; nhưng do ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên ông N được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 203 Luật đất đai; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn N;

2. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H;

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn N.

Giao cho ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S được tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng, diện tích đất và các vật kiến trúc, cây trồng trên đất (gồm có 02 ao nuôi cá, 01 ao lạng và cây trồng trên đất); phần đất có chiều ngang giáp đường đal từ mốc 2 đến mốc 3 là 8.04m, chiều dài giáp đất ông P từ mốc 2 đến mốc 1 là 81,87m, chiều dài giáp với ông N từ mốc 3 đến mốc 1 là 83,06m, hình cánh buồm với tổng diện tích là 327,73m^2 (được xác định bởi các mốc 1,2,3,1) theo sơ đồ thuộc thửa số 78, tờ bản đồ 07 đất tọa lạc tại khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S.

Giao cho ông Ngô Văn N, bà Ngô Thị T1 và ông Ngô Văn T2 tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng diện tích đất và các vật kiến trúc có trên đất có chiều ngang giáp với đường đal từ mốc 3 đến mốc 4 là 1,83m, chiều dài giáp với ông P từ mốc 3 đến mốc 1 là 83,06m và chiều dài giáp đất ông N từ mốc 4 đến mốc 1 là 83,44m hình cánh buồm tổng diện tích là 74,7m^2 (mốc 1,3,4,1) thuộc một phần thửa 79 tờ bản số 07 đất tọa lạc khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(*Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 3 năm 2017 và mảnh trích đo địa chính số 184-2017 ngày 17 tháng 4 năm 2017 và*

mảnh trích đo bổ sung ngày 11/12/201 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất).

- Đối với ông Trương Công T3, Lê Văn M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các đương sự có quyền đến cơ quan có thẩm quyền đi đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông Ngô Văn N phải chịu 3.605.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng ông Ngô Văn N là người cao tuổi; người có công với cách mạng và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông Ngô Văn N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S phải liên đới chịu 822.000đ (Tám trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm phần phản tố không được Tòa án chấp nhận được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.494.000đ theo biên lai số 004694 ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H. Vậy ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S được nhận lại 672.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

- Về chi phí xem xét thẩm định và định giá với tổng số tiền là 2.733.000đ;

+ Buộc ông Ngô Văn N chịu số tiền là 2.033.000đ (Hai triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng) đã nộp xong.

+ Buộc ông Ngô Văn P, bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S chịu số tiền là 700.000đ chi phí xem xét thẩm định và định giá. Ông Ngô Văn P, bà bà Ngô Thị N2, ông Ngô Văn P1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị P2, bà Ngô Thị C1, bà Ngô Thị Tuyết V, bà Ngô Thị Ngọc N3 và anh Ngô Phước S phải liên đới trả lại cho ông Ngô Văn N số tiền 700.000đ mà ông N đã nộp tạm ứng.

- Về án phí phúc thẩm: Ông N được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm;

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TX. H;
- Chi cục THADS TX. H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh